TÒA ÁN NHÂN DÂN **T PHỐ B** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2022/HS-ST
Ny 27/01/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ B

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bảng và bà Nguyễn Thị Biên

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Mai Hương -Thư ký Toà án nhân dân T phố B

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố B tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên

Trong Ny 27 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân T phố B, tỉnh B mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 221/2021/HSST Ny 30 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2021/QĐXXST-HS Ny 13/12/2021; Thông báo tạm ngừng phiên tòa số 06/TB-TNPT Ny 27/12/2021; Quyết định Hoãn phiên tòa số 74/2021/QĐST-HS Ny 31/12/2021 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 26/TA Ny 12/01/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Thôn Ngò, xã Tân Tiến, T phố B, tỉnh B

Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1961 và bà Đỗ Thị Hồng, sinh năm 1966; vợ là Trần Thị N, sinh năm 1994 (đã ly hôn); có 01 con, sinh năm 2014; tiền án, tiền sự, nhân thân: không có.

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp và bị tạm giữ, tạm giam từ Ny 17/10/2021 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. *(Có mặt)*

**Bị hại*: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1992 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn Ngò, xã Tân Tiến, T phố B, tỉnh B

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lê Quang T, sinh năm 1992 *(Vắng mặt)*

Nơi cư trú: Số nhà 321, đường bờ đê Tiền Môn, phường Lê Lợi, T phố B, tỉnh B

2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1961 *(Có mặt)*

3. Bà Đỗ Thị Hồng, sinh năm 1966 *(Có mặt)*

Cùng cư trú: Thôn Ngò, xã Tân Tiến, T phố B, tỉnh B

4. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1994 *(Vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Ngò, xã Tân Tiến, T phố B, tỉnh B

**Người làm chứng* Anh Trần Văn K, sinh năm 1992 *(Vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Ngò, xã Tân Tiến, T phố B, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn K là bạn ở cùng thôn Ngò và cùng tham gia sinh hoạt trong Hội đồng niên 1992. Khoảng 19 giờ Ny 13/10/2021, T đi bộ đến quán bia Linh ở thôn Trước, xã Tân Tiến, T phố B để dự sinh nhật bạn là Trần Văn K. Ngồi được một lúc, T nhìn thấy anh K đi chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển kiểm soát 98B1-998.50 đến dự sinh nhật. Lúc này, T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh K để đem đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân. T ngồi ăn uống đến khoảng 20 giờ 30 phút thì hỏi mượn xe mô tô của anh K. T nói dối anh K là để đi có việc một lúc và bảo anh K khi nào về thì gọi điện T quay lại đón. Anh K tưởng thật nên đồng ý, đưa cho T chìa khóa xe và bảo T đi nhanh rồi về. Sau khi mượn được xe, T điều khiển xe đến nhà anh Lê Quang T ở số nhà 321, đường bờ đê Tiền Môn, phường Lê Lợi, T phố B, tỉnh B. Tại đây, T đặt vấn đề cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B1-998.50 cho anh T để lấy 4.000.000 đồng. Anh T hỏi xe của ai thì T nói là xe của bạn em. Anh T đồng ý nhận cầm cố chiếc xe và cắt lãi luôn số tiền 400.000 đồng còn đưa cho T số tiền 3.600.000 đồng. Hai bên không viết giấy tờ gì. Số tiền cầm cố chiếc xe có được, T khai đã chi tiêu cá nhân hết.

Ny 16/10/2021, anh Nguyễn Văn K có đơn trình báo Công an T phố B và giao nộp 01 bản sao giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98B1-998.50 mang tên Nguyễn Văn K. Ny 17/10/2021, C quan Cảnh sát điều tra Công an T phố B đã giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Văn T. Cùng Ny, anh Lê Quang T tự nguyện giao nộp cho C quan điều tra chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B1-998.50 trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 156/KL-HĐĐG Ny 20/10/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự T phố B kết luận: 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B1-998.50, nhãn hiệu Honda Wave mầu sơn trắng - đen bạc - mua tháng 4/2014, đã qua sử dụng, có giá trị tại thời điểm Ny 13/10/2021 là 10.000.000 đồng.

Ny 26/10/2021, C quan Cảnh sát điều tra Công an T phố B đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh Nguyễn Văn K, đến nay anh K không yêu cầu gì về bồi thường dân sự. Anh Lê Quang T yêu cầu T phải bồi thường số tiền 4.000.000 đồng.

Tại C quan điều tra, Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Bản Cáo trạng số 219/CT-VKS Ny 29/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân T phố B truy tố Nguyễn Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận nội dung, diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo như bản Cáo trạng đã nêu. Bị cáo không biết ông C bà Hồng đã bồi thường

cho anh T số tiền 4.000.000 đồng thay bị cáo nhưng bị cáo cũng nhất trí với số tiền đã bồi thường cho anh T như vậy và không có ý kiến gì khác.

Ông Nguyễn Văn C và bà Đỗ Thị Hồng cùng trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của bị cáo. Dù bị cáo không tác động nhưng ông bà tự nguyện đứng ra bồi thường cho anh Lê Quang T số tiền 4.000.000 đồng thay bị cáo và đã nhờ anh Nguyễn Văn N là bạn của bị cáo mang tiền đến trả cho anh T. Ông bà không có ý kiến gì về số tiền đã trả cho anh T thay bị cáo và cũng không yêu cầu bị cáo phải trả lại ông bà số tiền trên. Ông bà xác định thông tin về năm sinh của ông bà theo như giấy khai sinh của bị cáo là đúng.

Anh Nguyễn Văn N có đơn xin vắng mặt, trong đơn anh trình bày: Anh được ông C bà Hồng nhờ đưa cho anh Lê Quang T số tiền 4.000.000 đồng để bồi thường cho anh T. Anh đã đưa số tiền trên cho anh T.

Anh Lê Quang T có đơn xin vắng mặt, trong đơn anh trình bày: Tại giai đoạn điều tra anh có yêu cầu bị cáo T phải bồi thường số tiền 4.000.000 đồng nhưng anh đã nhận được số tiền trên do anh Nguyễn Văn N trả. Đến nay anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác.

Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Không ai có ý kiến gì. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 10 tháng tù đến 01 năm 02 tháng tù, thời hạn tù tính từ Ny 17/10/2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo T. Buộc bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, ông C, bà Hồng nhất trí và không có tranh luận gì với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên C sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa Ny 27/12/2021, ông Nguyễn Văn C và bà Đỗ Thị Hồng là bố mẹ đẻ của bị cáo có mặt và xác định năm sinh của ông bà như bản lí lịch bị can và Cáo trạng đã công bố là không chính xác. Ông C trình bày đã nhờ anh Nguyễn Văn N mang tiền bồi thường đến trả anh T. Do vậy, Hội đồng xét xử đưa ông Nguyễn Văn C, bà Đỗ Thị Hồng và anh Nguyễn Văn N vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của C quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Hội đồng xét xử có đủ C sở xác định các hành vi, quyết định tố tụng

của C quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ. Sự vắng mặt của những người trên không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[4] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại C quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên C sở xem xét khách quan, đầy đủ, toàn diện nội dung vụ án, Hội đồng xét xử có đủ C sở kết luận: Khoảng 20 giờ 30 phút Ny 13/10/2021, tại quán bia Linh ở thôn Trước, xã Tân Tiến, T phố B, bị cáo Nguyễn Văn T đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản là 01 xe mô tô biển kiểm soát 98B1-998.50, nhãn hiệu Honda Wave, mầu sơn trắng-đen-bạc trị giá 10.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn K. Quá trình điều tra, truy tố đã chứng minh được tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức, năng lực điều khiển hành vi, tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu T tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân T phố B truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ.

[5] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét các vấn đề sau:

[5.1] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Chỉ vì lợi ích trước mắt của bản thân, muốn có tiền chi tiêu cá nhân mà bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo cho thấy bị cáo là người coi thường pháp luật, đã gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự với một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[5.2] Về nhân thân thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[5.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ T khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5.4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đồng thời cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới giúp bị cáo cải tạo trở T người công dân biết tuân thủ pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú xác định bị cáo không có công ăn việc làm, là đối tượng có sử dụng trái phép chất ma túy đá và nằm trong diện quản lý nghiệp vụ của công an xã, nghi vấn có hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn T phố B. Sau khi phạm tội, bị cáo bị bắt tạm giam, bị cáo không có tài sanrhay thu nhập gì đảm bảo thi hành án đối với khoản tiền phạt. Do vây, Hội đồng xét xử thấy không cần phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[7] Bị hại là anh K đã nhận lại tài sản. Anh T xác nhận đã nhận được số tiền bồi thường là 4.000.000 đồng do anh N trả. Anh N xác nhận số tiền bồi thường cho anh T là của ông C bà Hồng, anh chỉ chuyển trả cho anh T hộ ông bà. Ông C và bà Hồng xác định đã tự nguyện bồi thường cho anh T số tiền trên thay bị cáo nhưng ông bà cũng không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho ông bà số tiền trên. Trường hợp giữa bị cáo và các đương sự có tranh chấp về số tiền trên sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác. Đến nay, không có ai yêu cầu bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết về trách nhiệm dân sự.

[8] Đối với 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B1-998.50, nhãn hiệu Honda Wave mầu sơn trắng - đen - bạc, đã qua sử dụng: Qúa trình điều tra xác định được chiếc xe trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Nguyễn Văn K. Ny 26/10/2021, C quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh K là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Anh K đã nhận lại chiếc xe trên và không có ý kiến gì.

[9] Đối với anh Lê Quang T có hành vi nhận cầm cố chiếc xe moto biển kiểm soát 98B1- 998.50 và cho bị cáo vay tiền nhưng anh T không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Sau khi bị cáo bị bắt, anh đã tự nguyện giao nộp chiếc xe trên cho C quan điều tra để phục vụ điều tra giải quyết vụ án. Chiếc xe đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp nên đủ căn cứ xác định anh T không phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

[10] Bị cáo phải chịu án hình sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Ny 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Ngoài ra cần áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên quyền kháng cáo.

[11] Cần tiếp tục tạm giam bị cáo 45 Ny để đảm bảo thi hành án theo quy định tại Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

[12] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ny 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **01** (Một) năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Thời hạn tù tính từ Ny 17/10/2021.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 Ny kể từ Ny tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 Ny kể từ Ny nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND T phố B;
- Chi cục THADS T phố B;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Công an T phố B;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- Trại tạm giam Công an tỉnh B;
- UBND xã/phường nơi cư trú bị cáo;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hằng